

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VIỆT YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 06/01/2022  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Hợp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Tấn.

2. Ông Thân Văn Nhân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Ong Văn Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Trần Minh N, sinh năm 1986. vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H 3, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

**- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987. vắng mặt.

HKTT: Thôn H 3, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Xóm S, thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

*Nguyên đơn anh Trần Minh N trình bày:* anh N kết hôn với chị Nguyễn Thị M tháng 7/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung. Vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hòa hợp về tính tình và phát sinh nhiều mâu thuẫn, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vợ chồng có cãi nhau, hai bên gia đình có dàn xếp nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị M đã tự ý bỏ về nhà đẻ từ tháng 4/2021 cho đến nay. Từ khi chị M về nhà đẻ anh N có đến gọi và nói chuyện với gia đình nhưng chị M không nghe, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình

cảm từ khi chị M về nhà để cho đến nay. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh N đề nghị được ly hôn chị M theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Hải P, sinh ngày 05/6/2013 và Trần Minh Q, sinh ngày 24/7/2017. Nay con lớn ở với anh N, con nhỏ ở với chị M. Sau khi ly hôn anh N đề nghị giữ nguyên việc nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản, công sức, ruộng đất: Không có vướng mắc gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị M kết hôn với anh Trần Văn N tháng 01/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang, thời gian ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng và hai bên gia đình không có mâu thuẫn thuẫn xảy ra. Do vợ chồng không còn tình cảm và không thể chung sống thêm, nên chị M nhất trí ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Hải P, sinh ngày 05/6/2013 và Trần Minh Q, sinh ngày 24/7/2017. Nay con lớn ở với anh N, con nhỏ ở với chị M. Sau khi ly hôn chị M đề nghị giữ nguyên việc nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản, công sức, ruộng đất: Chị M xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh N và chị M vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nên HĐXX đã công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273- Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Trần Minh N được ly hôn chị Nguyễn Thị M

Về con chung: Giao cho anh Trần Minh N được nuôi con Trần Hải P, sinh ngày 05/6/2013; giao cho chị Nguyễn Thị M nuôi con Trần Minh Q, sinh ngày 24/7/2017. Anh N và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N và chị M thực hiện quyền này.

Về án phí: Anh Trần Minh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị M có hộ khẩu thường trú tại thôn H 3, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa anh N và chị M vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Trần Minh N và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15/7/2014 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh N và chị M kết hôn với nhau đã có thời gian chung sống hạnh phúc và có 02 con chung, tuy nhiên sau đó một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh N trình bày là do hai bên không hòa hợp về tính tình nên hay xảy ra cãi nhau vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2021, nay anh N xin ly hôn chị M theo quy định của pháp luật; theo chị M trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì mà do không còn tình cảm với nhau nữa nên đã sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay, anh N xin ly hôn chị M nhất trí. Nay anh N và chị M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cả hai bên đều không có nguyện vọng đoàn tụ chung sống, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần giải quyết cho anh Trần Minh N được ly hôn chị Nguyễn Thị M là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Anh N và chị M đều trình bày vợ chồng có 02 con chung là Trần Hải P, sinh ngày 05/6/2013 và Trần Minh Q, sinh ngày 24/7/2017. Hiện tại con lớn ở với anh N, con nhỏ ở với chị M. Sau khi ly hôn chị M và anh N đều đề nghị giữ nguyên việc nuôi con như hiện tại và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh N và chị M là có căn cứ. Để đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt của con chung cần giữ nguyên việc nuôi con và giao cho anh N được nuôi con là Trần Hải P, sinh ngày 05/6/2013 là phù hợp pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu P; giao cho chị M được nuôi con là Trần Minh Q, sinh ngày 24/7/2017. Anh N và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Trần Minh N và chị Nguyễn Thị M có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N và chị M thực hiện quyền này.

[4] Tài sản, công nợ, ruộng đất: anh N và chị M không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Trần Minh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

(1) Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Minh N được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

(2) Con chung: Giao cho anh Trần Minh N được nuôi con Trần Hải P, sinh ngày 05/6/2013; giao cho chị Nguyễn Thị M được nuôi con là Trần Minh Q, sinh ngày 24/7/2017. Anh N và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh Trần Minh N và chị Nguyễn Thị M có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N và chị M thực hiện quyền này.

(3) Về án phí: Anh Trần Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0006021 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

(4) Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**Vũ Văn Hợp**